

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 1 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sông Đà 1 và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 1 (tên giao dịch là: Song Da 1 Joint Stock Company), tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước MTV Sông Đà 1 (theo GCN ĐKKD số 0104000360 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28/02/2006) được chuyển thành Công ty Cổ phần Sông Đà 1 theo quyết định 1446/QĐ-BXD ngày 04 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 010302147 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ chín số 0100106257 ngày 11 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

Cổ đông sáng lập:

Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Sông Đà- Thăng Long	1.914.200	19.142.000.000	38,28%
Nguyễn Xuân Bình	618.700	6.187.000.000	12,37%
Công ty Cổ phần Hà Châu OSC	560.087	5.600.870.000	11,20%
Cổ đông khác	1.907.013	19.070.130.000	38,15%
Cộng	5.000.000	50.000.000.000	100%

2. Trụ sở hoạt động**Trụ sở chính:**

- Địa chỉ : Số 18 ngõ 165, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 37671761
- Fax : (04) 37671772
- Mã số thuế : 0100106257

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Cấu trúc Tập đoàn

Báo cáo hợp nhất bao gồm Công ty mẹ và 2 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết các Công ty con được hợp nhất:

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	CTCP Sông Đà 1.02 Hòa Bình	Số 18, Ngõ 165, Đường Cầu giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.	Xây lắp	20.000.000.000	51%	63,74%
2.	Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc	KCN Đại Quang, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	Xây lắp	10.000.000.000	51%	63,74%

4. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng đường dây và trạm điện;
 - Xây dựng, khai thác và kinh doanh các nhà máy điện;
 - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng các công trình giao thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân loại vào đâu: Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và vật liệu xây dựng;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Khoan, khai thác mỏ lộ thiên;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Tư vấn và quản lý bất động sản (không bao gồm tư vấn về đấu giá đất);
- Chuẩn bị mặt bằng: Xử lý nền móng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng: Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:
 - Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
 - Kinh doanh hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
 - Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Phá dỡ;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng của tòa nhà, đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, chống thấm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà.

5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Cao Châu Tuệ	Chủ tịch HĐQT	04/09/2014	
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT	04/09/2014	
Ông Lại Việt Cường	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Văn Toán	Thành viên HĐQT		01/12/2015
Ông Nguyễn Phương Bắc	Thành viên HĐQT		

5.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban kiểm soát	22/06/2015	
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên		
Ông Phạm Quang Hải	Thành viên	22/06/2015	

5.3. Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Bình	Tổng Giám đốc	04/09/2014	
Ông Bùi Công Hoàn	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Toán	Phó Tổng Giám đốc	29/10/2014	01/12/2015
Ông Nguyễn Thế Hưng	Phó Tổng Giám đốc	29/10/2014	20/05/2015
Ông Đặng Duy Phong	Kế toán trưởng	05/01/2015	

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Bình (bổ nhiệm ngày 04 tháng 09 năm 2014).

7. Đánh giá tình hình hoạt động hợp nhất

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 37.

Tuy nhiên số liệu dùng để hợp nhất của Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc và Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 do Công ty lập. Do ngày 18 tháng 09 năm 2015, Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, do vậy công ty không lập báo cáo đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Do ngày 18 tháng 09 năm 2015, Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Kiểm toán viên

Chi nhánh TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn. Chi nhánh TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất..

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



NGUYỄN XUÂN BÌNH

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 24 tháng 06 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sông Đà 1 và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 24 tháng 06 năm 2016 (từ trang 09 đến trang 37) của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không thu thập được thư xác nhận cho khoản mục phải thu khách hàng là 39.683.000.927 đồng, người mua trả tiền trước là 1.868.334.564 đồng, phải trả người bán là 23.081.128.595 đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 17.260.946.070 đồng. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của các khoản công nợ này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Do đó, chúng tôi cũng không thể xác định được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ.
- Trong năm, đơn vị chưa phản ánh số tiền phạt nộp chậm thuế 2.747.752.994 đồng theo thông báo của cơ quan thuế. Việc ghi nhận như vậy là chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Nếu số tiền này được ghi nhận sẽ làm cho chi phí khác tăng lên tương ứng là 2.747.752.994 đồng, và lợi nhuận trước thuế giảm tương ứng là 2.747.752.994 đồng, lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán giảm từ (73.786.886.710) đồng xuống còn (76.534.639.704) đồng và Mục Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước tăng lên tương ứng.
- Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc và Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình dùng để hợp nhất chưa được lập. Số liệu dùng để hợp nhất của Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc và Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 do Công ty lập.

Ý kiến kiểm toán từ chối

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.4, khoản lỗ thuần của Tập đoàn đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 73.786.886.710 đồng (trong đó khoản lỗ cho năm tài chính 2015 là 12.580.587.470 đồng), và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá Tổng tài sản là 18.381.586.126 đồng, và vốn chủ sở hữu âm là (36.792.532.206) đồng. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VII. 4, cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó được phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2015.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths. Trần Bá Quảng – Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1086-2013-071-1

Đỗ Thị Hương – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 0967-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2015

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		178,477,767,388	183,939,780,928
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	35,848,449	1,202,431,511
111	1. Tiền		35,848,449	1,202,431,511
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	390,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	390,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89,799,038,574	110,787,138,893
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	68,701,629,873	64,547,938,955
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	11,502,547,885	26,479,780,551
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	4,275,240,000	5,780,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	20,993,894,492	21,716,651,025
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(15,674,273,676)	(7,737,231,638)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	88,219,255,324	68,689,395,677
141	1. Hàng tồn kho		88,219,255,324	68,689,395,677
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		423,625,041	2,870,814,847
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	287,113,522	2,663,812,333
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		136,511,519	207,002,514
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16,375,827,139	19,756,539,834
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		38,384,000	38,384,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.9	38,384,000	38,384,000
220	II. Tài sản cố định		10,292,854,348	11,925,294,746
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	10,292,854,348	11,925,294,746
222	- Nguyên giá		30,215,176,937	30,215,176,937
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19,922,322,589)	(18,289,882,191)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1,802,762,546	1,802,762,546
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	1,802,762,546	1,802,762,546
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.12	3,600,000,000	5,630,000,000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3,630,000,000	5,630,000,000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(30,000,000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		641,826,245	360,098,542
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	641,826,245	360,098,542
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		194,853,594,527	203,696,320,762

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2015

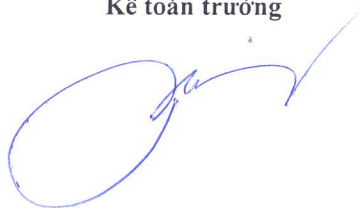
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		231.646.126.733	227.908.265.498
310	I. Nợ ngắn hạn		213.235.180.653	209.507.188.191
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	47.467.794.789	41.751.770.708
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	5.237.866.564	12.112.064.164
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	19.261.101.664	19.066.203.207
314	4. Phải trả người lao động	V.16	5.872.507.847	5.406.072.468
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	58.221.010.431	56.560.686.868
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	50.223.734.410	47.263.364.228
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.a	26.933.703.262	27.194.093.262
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	17.461.686	152.933.286
330	II. Nợ dài hạn		18.410.946.080	18.401.077.307
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.b	18.410.946.080	18.401.077.307
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(36.792.532.206)	(24.211.944.736)
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	(36.792.532.206)	(24.211.944.736)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.751.026.852	4.751.026.852
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(73.786.886.710)	(61.206.299.240)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(61.206.299.240)	(28.678.026.071)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(12.580.587.470)	(32.528.273.169)
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.22	(17.756.672.348)	(17.756.672.348)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		194.853.594.527	203.696.320.762

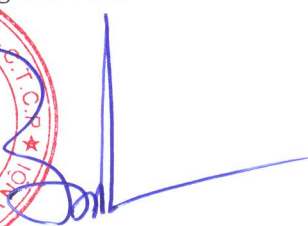
Tp. Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN MẠNH HẢI

ĐẶNG DUY PHONG

NGUYỄN XUÂN BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	31.363.795.935	40.338.534.143
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.363.795.935	40.338.534.143
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	29.627.700.471	64.133.273.011
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.736.095.464	(23.794.738.868)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	381.415.982	1.129.753.501
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.821.691.494	8.311.337.446
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.791.691.494	7.964.231.446
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	19.456.100
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	10.619.018.761	9.903.949.262
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.323.198.809)	(40.899.728.175)
31	12. Thu nhập khác	VI.6	64.313.680	11.387.992.739
32	13. Chi phí khác	VI.7	321.702.341	9.433.242.623
40	14. Lợi nhuận khác		(257.388.661)	1.954.750.116
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.580.587.470)	(38.944.978.059)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.8	-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(12.580.587.470)	(38.944.978.059)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(12.580.587.470)	(32.528.273.169)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	(6.416.704.890)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(2.516)	(6.506)

Tp. Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2016

Người lập biểu



NGUYỄN MẠNH HẢI

Kế toán trưởng



ĐẶNG DUY PHONG

Tổng Giám Đốc




NGUYỄN XUÂN BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		22.266.542.965	48.488.439.854
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(6.937.207.066)	(18.373.890.209)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(4.388.109.129)	(1.883.044.853)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(639.544.708)	(581.855.142)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(75.165.274)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.094.765.134	52.594.143.396
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.709.056.240)	(76.813.348.936)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.312.609.044)	3.355.278.836
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			6.304.800.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		390.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			400.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.415.982	213.909.335
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		406.415.982	6.918.709.335
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		7.454.986.000	3.790.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(7.715.376.000)	(12.999.929.241)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(260.390.000)	(9.209.929.241)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(1.166.583.062)	1.064.058.930
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.202.431.511	138.372.581
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		35.848.449	1.202.431.511

Người lập biểu

Kế toán trưởng

ĐẶNG DUY PHONG

Tp. Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2016

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN XUÂN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, Thương mại, Sản xuất và Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là:

- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng đường dây và trạm điện;
 - Xây dựng, khai thác và kinh doanh các nhà máy điện;
 - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây dựng thông thường của Công ty là trên 12 tháng. Các hoạt động kinh doanh khác có chu kỳ kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Số công ty con được hợp nhất là 2 công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	CTCP Sông Đà 1.02 Hòa Bình	Số 18, Ngõ 165, Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.	Xây lắp	20.000.000.000	51%	63,74%
2.	Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc	KCN Đại Quang, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	Xây lắp	10.000.000.000	51%	63,74%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình có số vốn điều lệ đăng ký là 20.000.000.000 đồng, vốn thực góp là 16.003.500.000 đồng như vậy lợi ích và quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình tương ứng với tỷ lệ 63,74/Vốn thực góp.
- Công ty cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc. Theo đó, Công ty cổ phần Sông Đà 1 sở hữu gián tiếp 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh.

Do số liệu Báo cáo tài chính của công ty con Công ty cổ phần Sông Đà 1.02 Hòa Bình và Công ty TNHH MTV Sông Đà Đại Lộc dùng để hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính năm 2014. Do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 439 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 456 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác (hoặc thuyết minh theo chế độ tài chính hiện hành như TT 228).

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung trong các công trình xây dựng dở dang.
- Hàng hóa: Là nhà cửa Bất động sản để bán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	03- 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Bất động sản đầu tư, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm khoản chi đi vay vốn.

14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	18.038.649	574.271.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.809.800	628.159.529
Tiền Việt Nam	17.809.800	628.159.529
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Đông Đô	1.062.651	2.072.271
Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT Trảng An	6.909.474	7.828.899
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Trần Duy Hưng	2.269.219	521.585.938
Ngân hàng TMCP Phương Đông	1.669.467	2.647.638
Ngân hàng HD Bank	2.631.564	94.024.783
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hà Nội	2.426.900	-
Ngân hàng TMCP ĐT&PTVN - CN Đà Nẵng	840.525	-
Cộng	35.848.449	1.202.431.511

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	494.177.746	494.177.746
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	494.177.746	494.177.746
Phải thu khách hàng khác	68.207.452.127	64.053.761.209
Khách hàng tại Khu Đô thị Thống Nhất	18.735.761.112	18.985.529.782
Công ty Cổ phần Bất Động sản Thăng Long	14.472.739.077	14.277.164.524
Các đối tượng khác	34.998.951.938	30.791.066.903
Cộng	68.701.629.873	64.547.938.955

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	3.250.000.000	18.033.518.666
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	-	15.033.518.666
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	3.250.000.000	3.000.000.000
Trả trước cho các đối tượng khác	8.252.547.885	8.446.261.885
Công ty TNHH Bình Minh	4.109.013.108	4.109.013.108
Xí nghiệp Xây dựng Tư nhân Phú Thành Lợi	1.571.264.549	1.571.264.549
Các đối tượng khác	2.572.270.228	2.765.984.228
Cộng	11.502.547.885	26.479.780.551

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn.

Chi tiết gồm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	2.000.000.000	-
Cho Công ty Cổ phần Sông Đà- Đất Vàng vay với lãi suất 18%/năm	2.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.275.240.000	5.780.000.000
Cho Công ty Cổ phần Bất Động Sản Thăng Long vay với lãi suất 0%/năm	2.275.240.000	5.780.000.000
Cộng	4.275.240.000	5.780.000.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	12.574.189.046	13.233.665.358
Ký quỹ, ký cược	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	8.419.705.446	8.482.985.667
Tổng cộng	20.993.894.492	21.716.651.025

5.1. Tạm ứng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho các bên liên quan	-	-
Tạm ứng cho các đối tượng khác	12.574.189.046	13.233.665.358
Nguyễn Thành Công	1.445.860.712	1.445.860.712
Hoàng Phương Mai	1.348.398.369	1.348.398.369
Nguyễn Thị Vân Anh	1.262.158.377	1.262.158.377
Nguyễn Thị Ngà	1.151.920.829	1.151.920.829
Nguyễn Ngọc Hiền	1.188.715.264	1.188.715.264
Đối tượng khác	6.177.135.495	6.836.611.807
Cộng	12.574.189.046	13.233.665.358

5.2. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	2.754.828.360	2.389.828.360
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	613.202.608	613.202.608
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	2.044.745.000	1.679.745.000
Công ty Cổ phần Hà Châu OSC	96.880.752	96.880.752
Phải thu đối tượng khác	5.664.877.086	6.093.157.307
Phạm Thế Kỳ - CT 30 tầng Lê Đức Thọ	1.925.652.260	1.925.652.260
Đối tượng khác	3.739.224.826	4.167.505.047
Cộng	8.419.705.446	8.482.985.667

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu	Cộng
Số đầu năm	(7.737.231.638)	(7.737.231.638)
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.937.042.038)	(7.937.042.038)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(15.674.273.676)	(15.674.273.676)
Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	4.044.745.000	-
BQL DA QL18 liên danh Sông Đà - Thăng Long	1.357.838.522	1.357.838.522
Đối tượng khác	10.271.690.154	6.379.393.116
Cộng	15.674.273.676	7.737.231.638

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	178.858.004	-	178.858.004	-
Công cụ, dụng cụ	12.400.000	-	12.400.000	-
Chi phí SXKD dở dang	72.531.300.290	-	68.442.046.839	-
Thành phẩm	56.090.834	-	56.090.834	-
Hàng hóa	15.440.606.196	-	-	-
Cộng	88.219.255.324	-	68.689.395.677	-

Hiện tại, Hàng tồn kho hàng hóa, là 12 căn hộ tại Dự án khu đô thị mới Văn Khê tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 13.783.911.323 VND (cuối năm trước là 0 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Tràn An.

7.1. Nguyên liệu, vật liệu

Là những vật tư tồn cuối kỳ phục vụ hoạt động thi công công trình xây dựng.

7.2. Công cụ, dụng cụ

Là dụng cụ dây cáp tồn cuối kỳ phục vụ hoạt động thi công công trình xây dựng.

7.3. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Thủy điện Huội Quảng	12.541.268.588	12.541.268.588
Tòa nhà 106 Usilk City	9.488.441.728	9.488.441.728
Nhà máy xi măng Hạ Long	7.415.702.468	7.109.302.087
Tòa nhà CT4 Văn Khê	7.179.111.742	7.179.111.742
Công trình khác	35.906.775.764	32.123.922.694
Cộng	72.531.300.290	68.442.046.839

7.4. Thành phẩm

Là thành phẩm đá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7.5. Hàng hóa

Là hàng hóa bất động sản bao gồm 12 căn hộ tại Dự án Khu đô thị mới Văn Khê và 01 căn hộ tại Dự án Tòa nhà Sông Đà Hà Đông.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu kỳ (1)	2.663.812.333	233.390.352
Số phát sinh trong kỳ (2)	-	4.019.450.231
Số phân bổ trong kỳ (3)	(2.376.698.811)	(1.589.028.250)
Số cuối kỳ (4) = (1) + (2) - (3)	287.113.522	2.663.812.333

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	125.323.231	2.502.022.042
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	161.790.291	161.790.291
Cộng	287.113.522	2.663.812.333

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu kỳ (1)	360.098.542	3.761.745.875
Số phát sinh trong kỳ (2)	911.762.238	125.371.860
Số phân bổ trong kỳ (3)	(630.034.535)	(3.527.019.193)
Số cuối kỳ (4) = (1) + (2) - (3)	641.826.245	360.098.542

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	565.298.368	283.570.665
Sửa chữa lớn TSCĐ	76.527.877	76.527.877
Cộng	641.826.245	360.098.542

9. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền đặt cọc để thuê văn phòng.

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem phụ lục 01

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Mỏ đá Đại Lộc	1.207.940.689	1.207.940.689
Chi phí đầu tư mỏ đá Hồ Bạc II	514.246.973	514.246.973
Công trình khác	80.574.884	80.574.884
Tổng cộng	1.802.762.546	1.802.762.546

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết gồm:	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.630.000.000	(30.000.000)	3.600.000.000	5.630.000.000	-	5.630.000.000
Cty CP Sông Đà - Nha Trang ⁽¹⁾	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cty CP TV DTXD Sông Đà Sao ⁽²⁾	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Cty CP Sông Đà - Đất Vàng ⁽³⁾	30.000.000	(30.000.000)	-	2.030.000.000	-	2.030.000.000
Cộng	3.630.000.000	(30.000.000)	3.600.000.000	5.630.000.000	-	5.630.000.000

(1) Công ty đã mua 300.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà- Nha Trang với giá mua là 3.000.000.000 VND. Trong năm khoản đầu tư không có thay đổi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 300.000 cổ phiếu, tương đương 1,6 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

(2) Công ty đã mua 60.999 cổ phiếu của Công ty cổ phần Tư vấn ĐTXD Sông Đà Sao với giá mua là 600.000.000 VND. Trong năm khoản đầu tư không có thay đổi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 60.000 cổ phiếu.

(3) Công ty đã mua 3.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà- Đất Vàng với giá mua là 30.000.000 VND. Trong năm khoản đầu tư không có thay đổi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.000 cổ phiếu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	30.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	30.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.448.581.234	4.448.581.234
Công ty CP Hà Châu OSC	3.409.073.270	3.409.073.270
Công ty CP Sông Đà Thăng Long	934.139.440	934.139.440
Công ty CP Sông Đà - Đất Vàng	105.368.524	105.368.524
Phải trả người bán khác	43.019.213.555	37.303.189.474
Công ty CP Xây dựng HC Việt Nam	6.054.611.440	-
Công ty CP Xây dựng Đại Phúc	6.045.251.347	6.045.251.347
Công ty TNHH TM & XD Hà Quỳnh	3.185.714.848	3.185.714.848
Công ty CP TĐ ĐT Long Giang	2.684.772.166	2.684.772.166
Đối tượng khác	25.048.863.754	25.387.451.113
Cộng	47.467.794.789	41.751.770.708

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ quá hạn của các bên liên quan	4.343.212.710	4.343.212.710
Công ty CP Hà Châu OSC	3.409.073.270	3.409.073.270
Công ty CP Sông Đà Thăng Long	934.139.440	934.139.440
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	4.829.773.572	5.553.937.289
Công ty CP Xi măng Hạ Long	576.757.714	576.757.714
Đối tượng khác	4.253.015.858	4.977.179.575
Cộng	9.172.986.282	9.897.149.999

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	-	-
Trả trước cho đối tượng khác	5.237.866.564	12.112.064.164
Ban quản lý Dự án KĐT mới Văn Khê	1.910.000.000	200.000.000
Ban quản lý Dự án Viễn thông Quốc Gia	923.238.000	923.238.000
Ban điều hành Dự án Nhà máy XMHL	726.533.101	726.533.101
Các đối tượng khác	1.678.095.463	10.262.293.063
Cộng	5.237.866.564	12.112.064.164

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	10.043.894.012	266.475.390	100.000.000	10.210.369.402
Thuế TNDN	6.765.610.393	-	-	6.765.610.393
Thuế thu nhập cá nhân	238.397.387	28.423.067	-	266.820.454
Các loại thuế khác	2.018.301.415	-	-	2.018.301.415
Cộng	19.066.203.207	294.898.457	100.000.000	19.261.101.664

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.580.587.470)	(38.944.978.059)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(12.580.587.470)	(38.944.978.059)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(12.580.587.470)	(38.944.978.059)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	5.872.507.847	5.406.072.468
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	5.872.507.847	5.406.072.468

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	58.221.010.431	56.560.686.868
Chi phí lãi vay phải trả	9.306.862.445	6.154.925.405
Lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Trảng An	6.252.949.969	4.779.259.793
Lãi vay Ngân hàng BIDV Đông Đô	2.846.149.976	1.375.665.612
Lãi vay cá nhân	207.762.500	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác ⁽¹⁾	48.914.147.986	50.405.761.463
KĐT Thống Nhất - Hoàn Kiếm	18.750.804.076	18.750.804.076
Công trình CT4 - Văn Khê	18.054.274.356	18.054.274.356
Công ty TNHH Bình Minh	4.109.013.108	4.109.013.108
Đối tượng khác	8.000.056.446	9.491.669.923
Tổng cộng	58.221.010.431	56.560.686.868

⁽¹⁾ Là những công trình đã kết chuyển doanh thu và trích trước chi phí phù hợp với doanh thu đã kết chuyển trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	50.223.734.410	47.263.364.228
Kinh phí công đoàn	437.012.799	391.822.855
Bảo hiểm xã hội	6.628.191.313	6.065.711.957
Bảo hiểm y tế	579.107.274	479.779.713
Bảo hiểm thất nghiệp	353.081.882	307.698.720
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	42.226.341.142	40.018.350.983
<i>Thanh tra tỉnh Quảng Ninh</i>	<i>7.162.471.000</i>	<i>7.162.471.000</i>
<i>Các chủ công trình nhận khoán</i>	<i>11.083.443.070</i>	<i>8.872.689.731</i>
<i>Phí bảo trì CT4 - Văn Khê</i>	<i>5.222.204.864</i>	<i>5.392.656.922</i>
<i>Cổ tức năm 2011</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.258.222.208	15.090.533.330
Cộng	50.223.734.410	47.263.364.228

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	1.760.000.000	1.760.000.000	80.000.000	80.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Duyên	1.680.000.000	1.680.000.000	-	-
Ông Đặng Duy Phong	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	25.173.703.262	25.173.703.262	27.114.093.262	27.114.093.262
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.458.717.262	22.458.717.262	24.214.093.262	24.214.093.262
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Đông Đô ⁽¹⁾	7.785.272.313	7.785.272.313	8.490.958.313	8.490.958.313
Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT Trảng An ⁽²⁾	14.673.444.949	14.673.444.949	15.723.134.949	15.723.134.949
Vay ngắn hạn các tổ chức khác ⁽³⁾	2.714.986.000	2.714.986.000	2.900.000.000	2.900.000.000
Nguyễn Duy Kiên	905.686.000	905.686.000	200.000.000	200.000.000
Trịnh Thị Hồng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Nguyễn Thị Khuôn	450.000.000	450.000.000	900.000.000	900.000.000
Đối tượng khác	859.300.000	859.300.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng	26.933.703.262	26.933.703.262	27.194.093.262	27.194.093.262

(1) Là khoản vay Ngân hàng BIDV Đông Đô Hợp đồng số 323.2013/HĐTDHM ngày 28 tháng 06 năm 2013.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn vay: 01 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lãi suất vay: theo từng khế ước vay
 - Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và diện tích Tầng 13, Tầng 14 Tòa nhà Sông Đà Cầu Giấy tại địa chỉ : Ngõ 18/165 Cầu Giấy, Hà Nội.
- (2) Là khoản vay ngân hàng NN& PTNT Trảng An theo các hợp đồng:
- Hợp đồng Tín dụng số 1305-LAV-201000308/HMTD.
 - Tổng hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ VNĐ).
 - Hiệu lực của HMTD : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.
 - Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận , được ghi trên từng giấy nhận nợ tối đa là 12 tháng.
 - Lãi suất áp dụng theo quy định lãi suất tại thời điểm điều chỉnh do Chi nhánh ngân hàng NN& PTNT Trảng An thông báo.
 - Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng tầng lửng và tầng 2 thuộc dự án Tòa nhà cao tầng hỗn hợp CT4 Văn Khê - Hà Đông và 12 căn hộ tại Dự án khu đô thị mới Văn Khê.
 - Hợp đồng Số 1305- NAV- 201100148 ngày 15/04/2011: Số tiền vay là 2.967.410.759 đồng. Thời hạn vay 01 năm từ ngày 15/04/2011.
- (3) Vay cá nhân với thời hạn vay là 3 tháng, lãi suất trong hạn là 13%/năm.

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.410.946.080	18.410.946.080	18.401.077.307	18.401.077.307
<i>Tổng Công ty Sông Đà ⁽¹⁾</i>	<i>17.260.946.080</i>	<i>17.260.946.080</i>	<i>17.251.077.307</i>	<i>17.251.077.307</i>
<i>Lê Hùng Anh</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>
Cộng	18.410.946.080	18.410.946.080	18.401.077.307	18.401.077.307

(1) Là khoản vay Tập đoàn Sông Đà:

- Lãi suất áp dụng lãi suất vay ngắn hạn của các Ngân hàng tại thời điểm tính lãi vay vốn .
- Mục đích vay : Bổ sung vay vốn phục vụ sản xuất kinh của công ty.
- Thời hạn vay :Không xác định hoặc tới khi có thông báo của Bên cho vay về việc dừng cho vay đối với Bên vay.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	152.933.286	455.533.286
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ	(135.471.600)	(302.600.000)
Số cuối năm	17.461.686	152.933.286

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà- Thăng Long	1.914.200	19.142.000.000	38,28%
Nguyễn Xuân Bình	618.700	6.187.000.000	12,37%
Công ty Cổ phần Hà Châu OSC	560.087	5.600.870.000	11,20%
Cổ đông khác	1.907.013	19.070.130.000	38,15%
Cộng	100%	50.000.000.000	50.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(17.756.672.348)	(11.339.967.458)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	(6.416.704.890)
Thu tiền góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-
Tặng khác	-	-
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	-	-
Phân phối các quỹ	-	-
Số cuối năm	(17.756.672.348)	(17.756.672.348)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: đồng)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây lắp	30.572.059.528	36.699.603.365
Doanh thu kinh doanh bất động sản	88.192.416	980.961.734
Doanh thu dịch vụ tòa nhà sông đà	466.247.738	454.614.732
Doanh thu cho thuê tài sản	185.705.345	927.844.082
Doanh thu bán thành phẩm đá	-	1.022.352.782
Doanh thu khác	51.590.908	253.157.448
Cộng	31.363.795.935	40.338.534.143

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp	28.841.721.900	61.778.290.529
Giá vốn dịch vụ tòa nhà Sông Đà	537.056.795	499.090.957
Giá vốn cho thuê tài sản	248.921.776	822.686.333
Giá vốn bán thành phẩm đá	-	781.330.092
Giá vốn khác	-	251.875.100
Cộng	29.627.700.471	64.133.273.011

Trong đó giá vốn trích trước của hàng hóa bất động sản đã bán và công trình xây dựng đã hoàn thành bàn giao như sau:

Hạng mục	Năm nay		Năm trước	
	Giá trị trích trước	Thời gian dự kiến phát sinh	Giá trị trích trước	Thời gian dự kiến phát sinh
Hoạt động Bất động sản	18.750.804.076		18.750.804.076	
KĐT Thống Nhất - Hoàn Bò	18.750.804.076	(*)	18.750.804.076	(*)
Các công trình xây dựng đã hoàn thành	24.687.712.620		25.338.340.503	
CT CT4 - Văn Khê	18.054.274.356	(**)	18.054.274.356	(**)
CT tòa nhà Sông Đà - Hà Đông	6.633.438.264	(**)	6.796.307.129	(**)
Công trình 143/85 Hạ Đình	-	(**)	487.759.018	(**)
Cộng	43.438.516.696		44.089.144.579	

(*) Phát sinh khi hoàn thiện sổ đỏ cho khách hàng.

(**) Phát sinh khi tổ nhận khoán bàn giao chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	16.415.982	143.635.472
Lãi tiền cho vay	365.000.000	366.618.029
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	619.500.000
Cộng	381.415.982	1.129.753.501

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.791.691.494	7.964.231.446
Dự phòng đầu tư chứng khoán	30.000.000	-
Chi phí bán chứng khoán	-	347.106.000
Cộng	3.821.691.494	8.311.337.446

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.148.121.489	4.732.036.143
Chi phí vật liệu quản lý	126.389.434	205.082.588
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.000.000	44.658.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.690.414	8.132.040
Thuế, phí và lệ phí	5.321.688	34.928.139
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.937.042.038	1.118.004.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.957.160	1.674.678.337
Chi phí khác bằng tiền	748.496.538	2.086.429.077
Cộng	10.619.018.761	9.903.949.262

6. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh công nợ	64.313.680	-
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	9.949.585.566
Xử lý công nợ tồn đọng	-	1.389.907.173
Thu nhập khác	-	48.500.000
Cộng	64.313.680	11.387.992.739

7. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt	321.681.342	707.078.948
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	8.480.735.382
Chi phí khác	20.999	245.428.293
Cộng	321.702.341	9.433.242.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.580.587.470)	(32.528.273.169)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(12.580.587.470)	(32.528.273.169)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	(2.516)	(6.506)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.129.070.806	1.271.293.721
Chi phí nhân công	15.165.603.905	10.188.236.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.632.440.398	4.868.405.706
Chi phí máy thi công	1.286.289.237	834.400.866
Chi phí dự phòng	7.937.042.038	1.118.004.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.126.850.765	4.531.928.451
Chi phí khác bằng tiền	6.795.370.558	12.493.329.117
Cộng	46.072.667.707	35.305.598.354

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	335.218.548	325.128.362
Tiền thưởng	-	-
Các khoản phúc lợi khác	-	-
Cộng	335.218.548	325.128.362

Trong năm công ty có phát sinh vay vốn thành viên chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch năm nay	Giá trị giao dịch năm trước
Đặng Duy Phong	Kế toán trưởng	Vay ngắn hạn	-	80.000.000
Vũ Thị Hồng Duyên	Gia đình của Tổng Giám đốc	Vay ngắn hạn	1.680.000.000	-

Số dư với các bên liên quan khác:

	Đầu năm	Cuối năm
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Các thành viên Ban điều hành	80.000.000	80.000.000
Ông Đặng Duy Phong	80.000.000	80.000.000
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	1.680.000.000	-
Bà Vũ Thị Hồng Duyên	1.680.000.000	-

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Sông Đà Thăng Long	Công ty mẹ
Công ty CP Hà Châu OSC	Cổ đông
Công ty CP Sông Đà- Đất Vàng	Công ty đầu tư góp vốn và cùng tập đoàn
Công ty CP Sông Đà Nha Trang	Công ty đầu tư góp vốn và cùng tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch năm nay	Giá trị giao dịch năm trước
Công ty CP Sông Đà Thăng Long	Công ty mẹ	Phải trả người bán	15.033.518.666	(15.033.518.666)
Công ty CP Sông Đà- Đất Vàng	Công ty có đầu tư và cùng tập đoàn	Lãi cho vay	365.000.000	365.000.000
Công ty CP Sông Đà Nha Trang	Công ty có đầu tư và cùng tập đoàn	Trả trước cho người bán	250.000.000	150.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư với bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Sông Đà Thăng Long	Công ty mẹ	Phải thu ngắn hạn khác	613.202.608	613.202.608
		Trả trước cho người bán	-	15.033.518.666
		Phải trả người bán	934.139.440	934.139.440
Công ty CP Hà Châu OSC	Cổ đông	Phải thu ngắn hạn khác	96.880.752	96.880.752
		Phải trả người bán	3.409.073.270	3.409.073.270
Công ty CP Sông Đà - Đất Vàng	Công ty có đầu tư và cùng tập đoàn	Phải thu ngắn hạn khác	2.044.745.000	1.679.745.000
		Trả trước cho nhà cung cấp	105.368.524	105.368.524
Công ty CP Sông Đà Nha Trang	Công ty có đầu tư và cùng tập đoàn	Trả trước cho nhà cung cấp	3.250.000.000	3.000.000.000

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Năm nay		
	Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
Xây lắp	30.572.059.528	28.841.721.900	1.730.337.628
Thương mại	88.192.416	-	88.192.416
Sản xuất	-	-	-
Dịch vụ	703.543.991	785.978.571	(82.434.580)
Năm trước			
	Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
Xây lắp	36.699.603.365	61.778.290.529	(25.078.687.164)
Thương mại	980.961.734	-	980.961.734
Sản xuất	1.022.352.782	781.330.092	241.022.690
Dịch vụ	1.635.616.262	1.573.652.390	61.963.872

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1 (TẬP ĐOÀN)

Địa chỉ: Số 18 Ngõ 165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TẬP ĐOÀN)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản		205.687.536.018	-	205.687.536.018
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.170.000.000	(5.780.000.000)	390.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	5.780.000.000	5.780.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8.482.985.667	13.233.665.358	21.716.651.025
Tài sản ngắn hạn khác	155	13.233.665.358	(13.233.665.358)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	38.384.000	38.384.000
Tài sản dài hạn khác	268	38.384.000	(38.384.000)	-
Nguồn vốn		205.687.536.018	-	205.687.536.018
Quỹ đầu tư phát triển	418	4.733.725.933	17.300.919	4.751.026.852

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản lỗ thuần của Tập đoàn đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 73.786.886.710 đồng (trong đó khoản lỗ cho năm tài chính 2015 là 12.580.587.470 đồng), và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã vượt quá Tổng tài sản là 18.381.586.126 đồng, và vốn chủ sở hữu âm là (36.792.532.206) đồng.

Tuy nhiên, trong năm 2016, công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ phải thu khách hàng và thực hiện nghiệm thu bàn giao các công trình dở dang để thu hồi nguồn vốn kinh doanh. Tổng Công ty Sông Đà cũng thực hiện hỗ trợ vốn bằng biện pháp khoanh vùng khoản vay không thu lãi.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh và các biện pháp nêu trên, Ban giám đốc công ty vẫn tin rằng công ty vẫn hoạt động liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2016






NGUYỄN MẠNH HẢI
 Người lập biểu

ĐẶNG DUY PHONG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN XUÂN BÌNH
 Tổng Giám đốc

Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm	4.303.935.508	20.725.372.236	5.006.150.975	179.718.218	30.215.176.937
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	4.303.935.508	20.725.372.236	5.006.150.975	179.718.218	30.215.176.937
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	160.350.000	2.127.252.511	54.658.400	2.342.260.911
Nguyên giá Tài sản cố định cầm cố thế chấp	2.826.274.408	20.725.372.236	5.006.150.975	-	28.557.797.619
II. Giá trị hao mòn					
1. Đầu năm	2.412.667.371	11.503.993.800	4.228.307.723	144.913.297	18.289.882.191
2. Tăng trong năm	172.157.424	1.258.749.984	201.532.990	-	1.632.440.398
- Khấu hao trong năm	172.157.424	1.258.749.984	201.532.990	-	1.632.440.398
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	2.584.824.795	12.762.743.784	4.429.840.713	144.913.297	19.922.322.589
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.891.268.137	9.221.378.436	777.843.252	34.804.921	11.925.294.746
2. Tại ngày cuối năm	1.719.110.713	7.962.628.452	576.310.262	34.804.921	10.292.854.348
Trong đó:					
Giá trị còn lại của Tài sản cầm cố thế chấp	1.130.509.738	7.962.628.452	576.310.262	-	9.669.448.452

Người lập biểu



NGUYỄN MẠNH HẢI

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Kế toán trưởng



ĐẶNG DUY PHONG

Tp. Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2016

Tông Giám đốc



NGUYỄN XUÂN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	20.754.319.108	4.733.725.933	2.917.702.555	(47.527.048.662)	(11.339.967.458)	30.878.698.934
Tăng trong năm trước	-	-	17.300.919	-	30.071.425.634	-	30.088.726.553
+ Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	6.416.704.890	-	6.416.704.890
+ Điều chỉnh tăng theo Thông tư 200/2014/BTC	-	-	17.300.919	-	-	-	17.300.919
+ Tăng khác	-	-	-	-	23.654.720.744	-	23.654.720.744
Giảm trong năm trước	-	(20.754.319.108)	-	(2.917.702.555)	(43.750.676.212)	(6.416.704.890)	(73.839.402.765)
+ Từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	(38.944.978.059)	(6.416.704.890)	(45.361.682.949)
+ Điều chỉnh giảm theo Thông tư 200/2014/BTC	-	-	-	(17.300.919)	-	-	(17.300.919)
+ Giảm khác (*)	-	(20.754.319.108)	-	(2.900.401.636)	(4.805.698.153)	-	(28.460.418.897)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	-	4.751.026.852	-	(61.206.299.240)	(17.756.672.348)	(24.211.944.736)
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	-	4.751.026.852	-	(61.206.299.240)	(17.756.672.348)	(24.211.944.736)
Tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	(12.580.587.470)	-	(12.580.587.470)
+ Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(12.580.587.470)	-	(12.580.587.470)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	-	4.751.026.852	-	(73.786.886.710)	(17.756.672.348)	(36.792.532.206)

(*) Là khoản bù đắp lỗ năm 2013 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 25/06/2014 và Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25/06/2014.

Người lập biểu



Kế toán trưởng



NGUYỄN MẠNH HẢI

ĐẶNG DUY PHONG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Tp. Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2016

Tổng Giám đốc

